

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 216/2025/DS-PT

Ngày: 28 - 3 -2025

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng
hợp tác hùn vốn nuôi tôm*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Nam - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Dương Thanh Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 754/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Cẩm V** – sinh năm 1963; (có mặt)

Địa chỉ: số B, khu phố F, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang;

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh D** – sinh năm 1976; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Nguyễn Minh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V trình bày:*

Năm 2018, bà và ông Nguyễn Minh D có thỏa thuận hợp tác nuôi tôm tại phần đất của anh D ở ấp L, xã P, huyện T. Hai bên có lập hợp đồng thỏa thuận bên ông D có đất và ao nuôi tôm, bên bà bỏ vốn vào nuôi; nếu vụ tôm trúng thì chia đều lợi nhuận, nếu vụ tôm thua lỗ thì cũng chia đều tiền lỗ, trường hợp ông D không trả được tiền lỗ thì phải giao ao cho bà canh tác để trừ dần số tiền nợ do thua lỗ.

Quá trình nuôi tôm, vụ đầu năm 2018 trúng vụ và chia đều lợi nhuận như thỏa thuận. Đến vụ thứ hai năm 2018, tôm bị bệnh nên thua lỗ, chia đều nợ thì ông D nợ bà số tiền thua lỗ là 54.500.000 đồng. Do đó, ngày 10/02/2019 ông D đã viết giấy tay hứa giao ao tôm cho bà canh tác để trừ dần số tiền nợ mỗi năm là 20.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2019, bà đến chuẩn bị cải tạo ao nuôi tôm thì ông D không đồng ý giao ao và yêu cầu bà để ao lại cho ông D canh tác,

ông D sẽ trả cho bà số tiền nợ mỗi năm 20.000.000 đồng (trong 03 năm từ năm 2019 đến năm 2021), đồng thời ông D có viết giấy thỏa thuận vào ngày 28/4/2019. Đến cuối năm 2019, bà đến lấy tiền thì ông D không trả tiền theo thỏa thuận và kéo dài cho đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông D trả lại cho bà số tiền 54.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 28/4/2019 đến ngày khởi kiện 09/9/2024 tính tròn 64 tháng là 28.950.400 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 bà V có yêu cầu ông D trả số tiền mua bán dụng cụ nuôi tôm là 2.550.000 đồng, nhưng do chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh, nên tại ngày 15/11/2024 bà V đã có đơn xin rút lại yêu cầu này.

** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Minh D đã được tổng đạt thông báo thụ lý, nhưng không có bản tự khai và vắng mặt tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do.*

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh D trình bày: Năm 2018 ông và bà V có thỏa thuận hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm, bên ông có đất làm ao sẵn, bên bà V bỏ tiền vốn nuôi tôm, nếu trúng vụ thì trừ tiền vốn của bà V còn bao nhiêu chia đôi, nếu thua lỗ thì cũng chia đôi. Vụ tôm đầu trúng nên chia lãi mỗi người được vài chục triệu (không nhớ rõ), vụ sau thua lỗ, chia ra số nợ thì ông phải trả lại cho bà V 54.500.000 đồng. Do không có tiền trả cho bà V nên ông có thỏa thuận giao đất ao cho bà V nuôi hoặc cho thuê trong hạn 03 năm để trừ số nợ trên mỗi năm trừ 20.000.000 đồng. Nhưng sau đó, bà V nuôi không nổi và cũng không có ai thuê nên bỏ ao trống và ông tiếp tục quản lý ao từ tháng 4/2019 cho đến nay. Ông D thừa nhận còn thiếu bà V 54.500.000 đồng tiền nợ do thua lỗ trong quá trình hùn nuôi tôm với bà V, hiện tại ông không có khả năng trả nợ, nên ông yêu cầu bà V nhận ao để trực tiếp canh tác hoặc cho người khác thuê ao để trừ dần số nợ trên cho bà V. Về yêu cầu tính lãi của bà V, anh không đồng ý do đây là tiền nợ do hùn hạp làm ăn thua lỗ không phải tiền vay.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 504, Điều 507, Điều 512, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm V.

1. Buộc ông Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả cho Phạm Thị Cẩm V số tiền nợ do hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm 54.500.000 đồng và tiền lãi 28.950.400 đồng, tổng cộng là 83.450.400 đồng (tám mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bốn trăm đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; ông D phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh D trả số tiền mua bán dụng cụ nuôi tôm là 2.550.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/12/2024, bị đơn Nguyễn Minh D kháng cáo bản án sơ thẩm 247/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét trả tiền vốn mỗi năm 20 triệu, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông D.

Ông Nguyễn Minh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ chấp nhận trả số tiền 54.500.000 đồng, mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa ông D không cung cấp được chứng cứ gì mới, việc kháng cáo của ông D là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Minh D kháng cáo còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm*" là đúng quy định pháp luật

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V, bị đơn ông Nguyễn Minh D tất cả đều có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung kháng cáo ông Nguyễn Minh D chỉ chấp nhận trả số tiền 54.500.000 đồng, mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi.

Tại phiên toà phúc thẩm ông D thừa nhận có hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm với bà V đúng như bà V trình bày và đã thực hiện được 02 vụ tôm thì ngưng, qua các tài liệu, chứng cứ do bà V cung cấp tại phiên toà sơ thẩm và sự thừa nhận của ông D còn nợ bà V số tiền 54.500.000 đồng và ông đã quản lý đất ao từ tháng 4/2019 đến nay.

Số tiền 54.500.000 đồng ông nợ bà V đến nay chưa trả, và việc bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D trả số tiền 54.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, việc ông xin trả mỗi năm 20.000.000 đồng và không chấp nhận trả lãi tại phiên toà bà V không đồng ý.

Đối với yêu cầu tính lãi cấp sơ thẩm buộc ông D phải trả cho bà V số tiền lãi là 28.950.400 đồng là chưa chính xác, cần phải điều chỉnh lại số tiền lãi mà ông D phải trả cho bà V. Xét thấy, số tiền nợ 54.500.000 đồng ông D bà V đôi bên thống nhất là 54.500.000 đồng từ ngày 28/4/2019 và đôi bên có thoả thuận bà V cho ông D trả mỗi năm 20.000.000 đồng thực hiện trả vào ngày cuối năm. Nhưng đến hạn ông D không trả nợ cho bà V cho nên ông D phải chịu lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2021 của số tiền lãi 20.000.000 đồng, từ ngày 02/01/2021 đến ngày 02/01/2022 ông D phải chịu lãi của số tiền 40.000.000 đồng, từ ngày 03/01/2022 đến ngày 09/9/2024 (ngày bà V khởi kiện vụ án) ông D phải chịu lãi của số tiền 54.500.000 đồng. lãi suất quy định 0,83% tháng.

+ Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2021: $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.992.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 02/01/2021 đến ngày 02/01/2022: $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 3.984.000 \text{ đồng}$

+ Từ ngày 03/01/2022 đến ngày 09/9/2024: $54.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \text{ tháng} \times 32 \text{ tháng} 6 \text{ ngày} = 14.565.660 \text{ đồng}$

Tổng cộng là: 20.541.000 đồng.

Ông D phải có trách nhiệm trả cho bà V số tiền lãi là 20.541.000 đồng. Do đó việc kháng cáo của ông D không chấp nhận trả lãi Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị điều chỉnh lại lãi suất là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí do sửa án sơ thẩm về phần lãi ông Nguyễn Minh D nên ông D không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 504, Điều 507, Điều 512, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh D về việc không chấp nhận trả lãi.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 247/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang về điều chỉnh lại lãi suất.

Tuyên xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm V.

1. Buộc ông Nguyễn Minh D có nghĩa vụ trả cho Phạm Thị Cẩm V số tiền nợ do hợp đồng hợp tác hùn vốn nuôi tôm 54.500.000 đồng và tiền lãi 20.541.000 đồng, tổng cộng là 75.041.000 đồng (*bảy mươi lăm triệu không trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; ông D phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm V về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh D trả số tiền mua bán dụng cụ nuôi tôm là 2.550.000 đồng.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Minh D phải chịu 3.752.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ông D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông D đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001961 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án huyện T sau khi được cản trừ ông D còn phải thi hành tiếp số tiền 3.452.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng*).

- Bà Phạm Thị Cẩm V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (bà V được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo diện người cao tuổi).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Triều

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Nguyễn Thanh Triều